

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày 10/03/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Thành

Ông Phạm Đức Lịch

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dương- thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, Q định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 21/2021/TB-TA ngày 17 tháng 2 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H:

- Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1980; (có mặt)

- Ông Dương Công T, sinh năm 1998; (có mặt)

Đều có địa chỉ làm việc: Số 332 L, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đức B, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm C, thôn A, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976;

- Anh Hoàng Đức P, sinh năm 1996;

- Anh Hoàng Đức V, sinh năm 1998;

Đều cư trú: Xóm C, thôn A, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Vũ Thị H và ông Hoàng Đức B có quan hệ quen biết nhau. Ngày 25/12/2017, bà H cho ông B vay số tiền 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*), hai bên lập giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất theo ngân hàng cùng thời điểm và thời hạn trả nợ là 1 tháng, tuy nhiên hết thời hạn trên ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà và không đưa ra được phương án trả nợ cũng như thời điểm trả nợ theo như yêu cầu của bà. Ngày 13/8/2020, bà H có gửi “Thông báo đòi tiền” cho ông B, nội dung yêu cầu ông B phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày gửi Thông báo. Đến thời điểm bà H khởi kiện, ông B không trả bất kỳ khoản nợ nào cho bà. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông B trả cho bà số tiền nợ gốc 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh từ thời điểm vay tiền 186.000.000đ (*một trăm tám mươi sáu triệu đồng*).

Sau khi bà H khởi kiện, ông B đã trả cho bà tổng số tiền là 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*) được trừ vào tiền nợ gốc cụ thể các lần: Ngày 21/10/2020, ngày 02/11/2020, ngày 17/11/2020, ngày 11/12/2020 mỗi lần 10.000.000đ (*mười triệu đồng*), ngày 18/1/2021 số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Vũ Thị H, số tài khoản 2309205092772 Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn. Số tiền nợ gốc còn lại ông B nợ bà H là 655.000.000đ (*sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật cho bị đơn ông B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh V. Tuy nhiên, ông B, anh V cố tình vắng mặt không có lý do. Xác minh tại địa phương, lời khai gia đình xác định: Ông B, anh V đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm C, thôn A, xã T, huyện Thanh

Hà. Ông B, anh V làm nghề buôn bán nên không cư trú cố định nơi nào khác, thỉnh thoảng về nhà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L, anh P trình bày: Khoản nợ giữa ông B và bà H là có thật. Đây là khoản nợ riêng của ông B với bà H không liên quan đến bà Lược và gia đình. Do giữa ông B và bà H có mối quan hệ làm ăn buôn bán với nhau, ông B vay để chi tiêu riêng, khi thiết lập giấy vay tiền và giao tiền bà Lược và gia đình không ai biết. Đây là nợ riêng của ông B, không phải là nợ chung của vợ chồng bà và gia đình bà. Bà xác định bà biết có khoản nợ này khi bà H đến gia đình bà vào tháng 4/2019 để tìm gặp ông B và nói cho bà biết ông B nợ bà H khoản nợ như trên; sau đó ông B xác định với bà có vay nợ bà H khoản nợ như bà H khởi kiện. Vào khoảng tháng 8/2020 bà L nhận Thông báo đòi tiền do bà H gửi và nội dung yêu cầu ông B trả cho bà H số tiền 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*) và lãi phát sinh, hình thức trả một là trả tiền mặt trực tiếp tại gia đình bà H hai là gửi vào tài khoản ngân hàng của bà H. Bà H đã thông báo toàn bộ nội dung và sau đó đưa cho ông B Thông báo đòi tiền trên. Ông B có ý kiến với gia đình là có trách nhiệm trả nợ cho bà H, tuy nhiên ông đang khó khăn nên đề nghị được trả dần, ông nhờ anh P gửi vào tài khoản trả cho bà H giúp ông. Anh P đã trả hộ ông B tổng số tiền tiền nợ gốc 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*) cụ thể các lần: Ngày 21/10/2020, ngày 02/11/2020, ngày 17/11/2020, ngày 11/12/2020 mỗi lần 10.000.000đ (*mười triệu đồng*), ngày 18/1/2021 số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Vũ Thị H, số tài khoản 2309205092772 Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn. Ông B bận đi làm ăn nên từ chối đến Tòa để làm việc. Bà L, anh P xác định không liên quan, không bị ảnh hưởng quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án này nên từ chối tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu ông B trả cho bà H số tiền nợ gốc còn lại là 655.000.000đ, rút yêu cầu tiền lãi phát sinh.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 357, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả

655.000.000đ tiền nợ gốc, bị đơn còn phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với khoản vay kể từ sau thời điểm xét xử nếu nguyên đơn chậm trả. Đình chỉ yêu cầu tiền lãi phát sinh, đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp, buộc ông Hoàng Đức B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện thỏa thuận trong giấy vay tiền. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

[3] Xét Hợp đồng vay tài sản

Căn cứ tài liệu xác minh, thu thập có cơ sở xác định:

- Hợp đồng vay tài sản: Ngày 25/12/2017 giữa bà Vũ Thị H và ông Hoàng Đức B xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, không thỏa thuận lãi, số tiền vay là 700.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người vay. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, giữa bên cho vay và bên vay thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các điều 116, 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên xác lập là hợp đồng vay không kỳ hạn, không thỏa thuận lãi, bên cho vay không cung cấp tài liệu thể hiện hai bên thỏa thuận thời hạn và lãi suất, bên vay không có ý kiến xác nhận nội dung này. Theo quy định tại Điều 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015, bên cho vay phải thông báo trước cho bên vay một khoảng thời gian hợp lý, bên vay phải trả nợ gốc và khoản nợ lãi phát sinh sau khi hết khoảng thời gian bên vay thông báo bên cho vay nếu không có thỏa thuận khác. Bà H đã gửi Thông báo đòi tiền cho ông B vào tháng 8/2020, ông B đã nhận được, nội dung Thông báo: yêu cầu phía bị đơn ông B thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng vay tài sản do hai bên đã xác

lập; phương thức trả nợ là trả trực tiếp tại nhà riêng của bên cho vay hoặc gửi vào tài khoản Vũ Thị H, số tài khoản 2309205092772 Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam. Như vậy có đủ căn cứ xác định tính hợp pháp hợp đồng vay tài sản làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên trong hợp đồng.

[4] Trách nhiệm trả nợ: Mặc dù ông B được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc, không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa. Tuy nhiên, từ khi bà H khởi kiện đến thời điểm xét xử ông B đã thông qua gia đình trả cho bà H số tiền nợ gốc là 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà H. Như vậy thể hiện ý thức trách nhiệm trả nợ của ông B đối với khoản nợ bà H. Đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn, không có lãi nên bên cho vay phải thông báo trước cho bên vay một khoảng thời gian hợp lý, nếu không có thỏa thuận khác. Thực tế, bà H đã thông báo đòi tiền cho ông B vào tháng 8/2020, ông B đã nhận được Thông báo. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi phát sinh. Hội đồng xét xử thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần đã rút; đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định đây là khoản nợ riêng của ông B với bà H. Việc xác lập giao dịch, ký kết, giao nhận tiền giữa ông B và bà H, bà L và gia đình đều không biết; mục đích ông B vay nợ để kinh doanh chi tiêu riêng không chi tiêu chung trong gia đình.

Do đó, căn cứ Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Buộc ông B có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền nợ gốc còn lại là 655.000.000đ.

[5] Bà Vũ Thị H và ông Vũ Đình S có văn bản xác nhận khoản tiền bà H cho ông B vay nợ là tài sản riêng của bà H nên ông S không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 8, 11, 116, 117, 118, 119, 274, 275, 280, 463, 464, 465, 466, 357, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 26, 147, 227, 228, 271, 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

Buộc ông Hoàng Đức B có trách nhiệm thanh toán trả bà Vũ Thị H khoản tiền nợ gốc 655.000.000đ (*sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện với khoản tiền lãi phát sinh. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Ông Hoàng Đức B phải chịu 30.200.000đ (*ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phí 19.000.000đ (*mười chín triệu đồng*) bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001940 ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Thanh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

\